

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 19 – 08 – 2025.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Tạ Thị Thu Hương.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Minh Đón.**

**Bà Dương Thị Thảo.**

**- Thư ký phiên tòa:** **Ông Đinh Nho Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên tòa:** **Bà Nguyễn Thị Huyền** – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/HNGĐST ngày 21 tháng 07 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ông Lương Xuân H - sinh năm: 1956.**

ĐKHKTT: số A ngách B ngõ C phố C, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là A ngách B ngõ C phố C, phường L, thành phố Hà Nội).

Chỗ ở: căn hộ A, Đơn nguyên B, chung cư P, số C ngõ D phố A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội (nay là căn hộ A, Đơn nguyên B, chung cư P, số C ngõ D phố A, phường P, thành phố Hà Nội).

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** **Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1960.**

ĐKHKTT: Phòng A, chung cư E, số B đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Phòng A, chung cư E, số B đường T, phường Y, thành phố Hà Nội).

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P – Bộ Công an.

Có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, ông Lương Xuân H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/12/2010.

Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà L.

- Về con chung: tôi và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: tôi và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 30/7/2025:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Lương Xuân H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/12/2010.

Chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa quan điểm sống. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H và có cuộc sống tự do riêng.

- Về con chung: tôi và ông H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản không liên quan từ ngày 30/7/2025 trở đi, ông H và bà L không nợ nần nhau về tài sản và tiền bạc.

**\* Tại phiên tòa:** ông Lương Xuân H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Về con chung, ông và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai tại bản tự khai ngày 30/07/2025.

**\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:** Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Lương Xuân H, ông Lương Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: không có nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: ông H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.*

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, bị đơn là bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú trước khi chấp hành án tại địa chỉ Phòng A, chung cư E, số B đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Phòng A, chung cư E, số B đường T, phường Y, thành phố Hà Nội), nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị L hiện đang thi hành án tại Trại giam P – Bộ Công an, bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà. Đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà L.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: ông Lương Xuân H và bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/12/2010. Hôn nhân của ông H và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng ông H và bà L hạnh phúc được một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ năm 2015 cho tới nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện bà L đang đi chấp hành án tại Trại giam P – Bộ Công an. Bản thân ông H và bà L đều thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông H xin ly hôn bà L, bà L đồng ý.

Xét mục đích hôn nhân của ông H và bà L không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn của ông H là chính đáng, đúng quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông H.

Về con chung: ông H và bà L xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về tài sản chung: Ông H xác định giữa ông H và bà L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L xác định về tài sản không liên quan từ ngày 30/7/2025 trở đi, ông H và bà L không nợ nần nhau về tài sản và tiền bạc, không có ý kiến gì về tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào lời khai của bà L, ông H xác định ông H và bà L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông H và bà L xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: ông H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Lương Xuân H và bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Xuân H đối với bà Nguyễn Thị L. Ông Lương Xuân H được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: ông H và bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông H và bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về án phí: ông H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, ông Lương Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Hương**